

- Vốn cho vùng nguyên liệu: 180 tỷ đồng,
- Vốn xây dựng nhà máy: 260 tỷ đồng (trong đó gồm cả đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị).

6. Nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước,
- Vay Ngân hàng ADB,
- Vay Ngân hàng thương mại khác,
- Vay theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 264-CT ngày 22-7-1992 và Quyết định số 656-TTg ngày 13-9-1996 về phát triển kinh tế xã hội Tây Nguyên thời kỳ 1996 - 2010 cho trồng rừng nguyên liệu.

7. Thời gian triển khai Dự án:

- Xây dựng nhà máy từ năm 1998 đến năm 2000, đưa vào hoạt động, sử dụng nguyên liệu từ rừng đã trồng.
- Triển khai trồng rừng theo quy hoạch từ năm 1998 đến năm 2005.

Điều 2.- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam phối hợp với Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết, xác định cụ thể diện tích vùng trồng rừng nguyên liệu trên địa bàn từng huyện, như đã nêu ở Khoản 2 Điều 1 và xây dựng kế hoạch trồng rừng, bảo đảm cung cấp nguyên liệu cho nhà máy hoạt động lâu dài, đạt công suất thiết kế.

Điều 3.- Việc cung cấp công nghệ, trang thiết bị của nhà máy phải thực hiện đấu thầu theo quy định hiện hành và bảo đảm kỹ thuật tiên tiến, hiện đại. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

Điều 4.- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chủ đầu tư tìm nguồn vốn ưu đãi; đồng thời nghiên cứu các giải pháp về vốn cho việc

thực hiện Dự án này có hiệu quả. Bảo đảm thi công theo tiến độ và đưa nhà máy vào vận hành đúng kế hoạch. Chủ đầu tư phải xây dựng tiến độ đầu tư hợp lý phù hợp với thứ tự ưu tiên đầu tư và khả năng huy động vốn đầu tư.

Điều 5.- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 106/QĐ-TTg ngày 18-2-1998 về việc cử thành viên tham gia Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Quyết định số 31/1998/QĐ-TTg ngày 10-2-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế;

Xét đề nghị của Bộ trưởng các Bộ: Thương mại, Ngoại giao, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thông tin, Tư pháp; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan; Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Cử các ông, bà có tên sau đây làm Ủy viên Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế:

- Ông Nguyễn Xuân Quang, Thứ trưởng Bộ Thương mại, giữ chức vụ Tổng Thư ký kiêm Trưởng đoàn Đoàn đàm phán Chính phủ về kinh tế - thương mại quốc tế.
- Ông Nguyễn Tâm Chiến, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.
- Ông Võ Hồng Phúc, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Bà Lê Thị Bằng Tâm, Thứ trưởng Bộ Tài chính.
- Ông Chu Hào, Thứ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
- Ông Nguyễn Xuân Chuân, Thứ trưởng Bộ Công nghiệp.
- Ông Nguyễn Quang Hà, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Ông Lưu Trần Tiêu, Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.
- Ông Nguyễn Văn Sản, Thứ trưởng Bộ Tư pháp.
- Ông Đoàn Mạnh Giao, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.
- Ông Lê Đức Thủy, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
- Ông Phan Văn Dĩnh, Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan.
- Bà Võ Thị Thắng, Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch.

Điều 2.- Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, các ông, bà có tên nêu trên và các Bộ trưởng, Thứ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN MẠNH CẦM

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 8/1998/CT-TTg ngày 18-2-1998 về tổng kết 5 năm thi hành Luật Đất đai.

Để có cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 1993 cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, xử lý các mối quan hệ phức tạp về đất đai đang là mối quan tâm và liên quan trực tiếp đến toàn dân cần được quy định, điều chỉnh bằng pháp luật nhằm đưa việc quản lý và sử dụng đất đai vào nề nếp, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tiến hành tổng kết 5 năm thi hành Luật Đất đai tại địa phương mình, ngành mình, đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được, phân tích những yếu kém trong việc tổ chức thi hành Luật, những hạn chế trong chính sách, pháp luật đất đai hiện hành và nêu lên những yêu cầu và nội dung cụ thể cần được sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 1993.

1. Đối với các địa phương:

Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành tổng kết toàn diện việc quản lý và sử dụng đất đai tại địa phương, tổng kết điển hình sử dụng đất đai ở một số huyện, xã, doanh nghiệp, chức năng tham mưu quản lý nhà nước về đất đai của các ngành: Địa chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư pháp, Thanh tra, nêu lên những vấn đề còn vướng mắc, tồn tại trong thực tế cuộc sống mà cần được bổ sung, sửa đổi Luật Đất đai năm 1993.

Báo cáo tổng kết của các tỉnh phải gửi về Văn phòng Chính phủ và Tổng cục Địa chính trước ngày 30 tháng 4 năm 1998.

2. Đối với các Bộ, ngành Trung ương:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng với Hội Nông dân Việt Nam, Bộ Thủy sản tổng kết về việc quản lý và sử dụng đất nông